**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N**
**TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 19/6/2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh
Các Hội thẩm: Bà Lê Thị Hoa
Ông Nguyễn Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đào Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty J

Địa chỉ: Lầu 15 Toà nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại điện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1996;

Chức vụ: Nhân viên JIVE - Công ty J. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thi Ngọc D, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Thạnh, Ninh Trung, Thị Xã N, Tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn là ông Huỳnh Công T trình bày:*

Ngày 26/12/2022, bà Trần Thị Ngọc D có ký hợp đồng số 930400003626873000 với Công ty J (gọi tắt là Công ty) vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, lãi suất là 4,35%, phương thức thanh toán là thanh toán mỗi tháng

một lần với số tiền thanh toán là 2.050.742đ vào 22 hàng tháng cho Công ty. Từ ngày 02/02/2023 đến ngày 22/4/2023 bà D thanh toán cho Công ty được 8.236.233đ, từ đó đến nay bà D không thanh toán nợ cho Công ty theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký và cố tình lẩn tránh. Công ty đã dùng các biện pháp yêu cầu bà D thanh toán nợ như nhiều lần gọi điện thoại và tới nhà tìm gặp bà D nhưng không có kết quả. Do bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thoả thuận đã ký tại hợp đồng số 930400003626873000 ngày 26/12/2022 với Công ty đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty. Chính vì vậy, Công ty đã làm đơn khởi kiện bà Trần Thị Ngọc D tại Toà án nhân dân Thị Xã N với tổng số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 44.865.625đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu lăm nghìn sáu trăm hai lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 26.712.989đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn chín trăm tám chín đồng), lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 18.152.636đ (Mười tám triệu một trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu bà Trần Thị Ngọc D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Công ty.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc D để lấy lời khai, hoà giải theo quy định nhưng bà D không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như thụ lý vụ án, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về thẩm quyền thụ lý: Nguyên đơn Công ty J yêu cầu bà Trần Thị Ngọc D, trú tại thôn Vĩnh Thạnh, Ninh Trung, Thị Xã N, Tỉnh Khánh Hoà phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 44.865.625đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu lăm nghìn sáu trăm hai lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 26.712.989đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn chín trăm tám chín đồng), lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 18.152.636đ (Mười tám triệu một trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. - Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về trình tự thụ lý: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự như thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự; việc gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 và Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn khi khởi kiện đã chứng minh cho yêu cầu của mình, Đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhân dân thị xã N chứng cứ là hợp đồng tín dụng (bao gồm giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn, giấy nhận nợ, bảng kê thu nhập của khách hàng và các tài liệu được gọi chung là hợp đồng), nội dung thể hiện ngày 26/12/2022, bà Trần Thị Ngọc D có ký hợp tín dụng với Công ty J, khoản vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với mục đích mua xe máy có chữ ký điện tử xác nhận của bà Trần Thị Ngọc D. Tính đến ngày 19/6/2024, bà Trần Thị Ngọc D còn nợ của Công ty số tiền là tổng cộng: 44.865.625đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu lăm nghìn sáu trăm hai lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 26.712.989đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn chín trăm tám chín đồng), lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 18.152.636đ (Mười tám triệu một trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Công ty. Như vậy có đủ cơ sở xác định bà Trần Thị Ngọc D có nợ của Công ty J nhưng không chịu thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với Công ty, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc D đã được Tòa án nhân dân thị xã N tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Công ty J khởi kiện bà Trần Thị Ngọc D vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký số 930400003626873000 ngày 26/12/2022 mà bà D đã ký kết nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Công T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bị đơn Trần Thị Ngọc D. Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng số 930400003626873000 đã ký kết ngày 26/12/2022 vì bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn đúng hạn theo thoả thuận, đã vi phạm thỏa thuận khi ký kết hợp đồng tín dụng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn bà Trần Thị Ngọc D nhưng căn cứ hợp đồng tín dụng số 930400003626873000 (bao gồm giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn, giấy nhận nợ, bảng kê thu nhập của khách hàng và các tài liệu được gọi chung là hợp đồng) mà bà D đã ký với Công ty J đã thể hiện việc bà D có sử dụng khoản vay của Công ty J. Hợp đồng thể hiện mục đích bà D sử dụng khoản vay của Công ty là mua xe máy.

Từ ngày 02/02/2023 đến ngày 22/4/2023 bà D thanh toán cho Công ty được 8.236.233đ, từ đó đến nay bà D không thanh toán nợ cho Công ty theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký và cố tình lẩn tránh. Số tiền còn nợ lại của Công ty tính đến ngày xét xử 19/6/2024 là 44.865.625đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu lăm nghìn sáu trăm hai lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 26.712.989đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn chín trăm tám chín đồng), nợ lãi tạm tính đến 19/6/2024 là 18.152.636đ (Mười tám triệu một trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng) và tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 20 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty J theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín số 930400003626873000 ngày 26/12/2022 được ký kết giữa hai bên là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định của pháp luật là:

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Công ty J.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc D phải trả cho Công ty J số tiền là 44.865.625đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu lăm nghìn sáu trăm hai lăm đồng). Trong đó nợ gốc: 26.712.989đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn chín trăm tám chín đồng), nợ lãi tạm tính đến 19/6/2024 là 18.152.636đ (Mười tám triệu một trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín số 930400003626873000 ngày 26/12/2022.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án dân sự sơ thẩm là 2.243.281đ (Hai triệu hai trăm bốn ba nghìn hai trăm tám mốt đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty J số tiền 778.265đ (Bảy trăm bảy tám nghìn hai trăm sáu lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0001575 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
-Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- CCTHADS thị xã N;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhất Anh**